

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 9 – 2022
V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn

Bà Tăng Thị Bạch Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm Sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Minh T, sinh ngày 01/01/1986

- Bị đơn: Bà Lê Thị Trúc L, sinh ngày 24/4/1989.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Ông Bùi Minh T trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Trúc L quen biết nhau và có tình cảm, chung sống cùng nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105, ngày 19/9/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 người con chung tên là:

+ Bùi Thị Kim A, sinh ngày 27/12/2009, hiện đang sống với ông.

+ Bùi Thị Vân A, sinh ngày 28/01/2014, hiện đang sống với bà L.

+ Bùi Thiên A, sinh ngày 11/7/2019, hiện đang sống với bà L.

Thời gian đầu, vợ chồng sống chung rất hạnh phúc, thời gian vợ chồng đi làm ăn, ông về quê đã 03 năm nhưng bà L không chịu về. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa ông và bà L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Lê Thị Trúc L;

- Về con chung: Ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim A và yêu không cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý giao hai cháu Bùi Thị Vân A và Bùi Thiên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Lê Thị Trúc L không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Bùi Minh T.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Trúc L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh T và bà Lê Thị Trúc L tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/9/2011, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, Ông T và bà L có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm, nên vợ chồng thường xuyên

cải nhau, bà L đã bỏ chồng, con đi từ năm 2018 đến nay. Vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không còn tình cảm, không hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ năm 2018, đến thời điểm này, cả Ông T và bà L cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông T đối với bà L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Ông T và bà L có ba người con chung Bùi Thị Kim A, Bùi Thị Vân A và Bùi Thiên A.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu Bùi Thị Kim A có nguyện vọng sống với cha, còn hai cháu Bùi Thị Vân A có nguyện vọng sống với mẹ, các người con chung này từ nhỏ đã được cha, mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người đang trực tiếp nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Các đương sự cũng đồng ý theo thỏa thuận này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông T, giao cháu Bùi Thị Kim A cho Ông T trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai cháu Bùi Thị Vân A và Bùi Thiên A cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục hai người con chung này cho người không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Ông T và bà L đối với nhau.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh T được ly hôn với bà Lê Thị Trúc L.

2) Về con chung: Giao cho Ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Kim A, sinh ngày 27/12/2009, đến đủ 18 tuổi (theo như nguyện vọng của cháu); Giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Bùi Thị Vân A, sinh ngày 28/01/2014 và Bùi Thiên A, sinh ngày 11/7/2019 (theo như nguyện vọng của cháu), đến đủ 18 tuổi. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục các người con chung này cho người không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Ông T và bà L đối với nhau.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003904, ngày 21/6/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Ông T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Vinh Thắng